

Phụ lục 01
Danh mục mã bệnh y học cổ truyền được sửa đổi bổ sung
(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày / /2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	STT theo QĐ 7603	MA_BENH	CHỨNG/BỆNH THEO Y HỌC CỔ TRUYỀN	Mã ICD-10		TÊN BỆNH THEO Y HỌC HIỆN ĐẠI (Tên bệnh ICD-10 theo Thông tư số 06/2026/TT-BYT)	TÊN BỆNH THỂ HIỆN TRÊN BẢNG KÊ CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH	Ghi chú
				Theo Quyết định 7603/QĐ-BYT	Theo Thông tư 06/2026/TT-BYT			
1	65	U50.131.1	Lao sái	A18.1	A18.1†	Bệnh lao ở hệ tiết niệu sinh dục	Lao sái [Bệnh lao ở hệ tiết niệu sinh dục]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
2	94	U50.161.4	Hiếp thống	A06.4	A06.4†	Áp xe gan do a-míp (K77.0*)	Hiếp thống [Áp xe gan do a-míp (K77.0*)]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
3	195	U50.351	Ôn bệnh	A90	A97	Bệnh sốt xuất huyết Dengue	Ôn bệnh [Bệnh sốt xuất huyết Dengue]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
4	-	U50.351.0	Ôn bệnh	-	A97.0	Bệnh sốt xuất huyết Dengue không có dấu hiệu cảnh báo	Ôn bệnh [Bệnh sốt xuất huyết Dengue không có dấu hiệu cảnh báo]	Mã bổ sung mới
5	-	U50.351.1	Ôn bệnh	-	A97.1	Bệnh sốt xuất huyết Dengue có dấu hiệu cảnh báo	Ôn bệnh [Bệnh sốt xuất huyết Dengue có dấu hiệu cảnh báo]	Mã bổ sung mới
6	-	U50.351.2	Ôn bệnh	-	A97.2	Bệnh sốt xuất huyết Dengue nặng	Ôn bệnh [Bệnh sốt xuất huyết Dengue nặng]	Mã bổ sung mới
7	196	U50.361	Ôn bệnh	A91	A97.9	Bệnh sốt xuất huyết Dengue, không xác định	Ôn bệnh [Bệnh sốt xuất huyết Dengue, không xác định]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT

8	-	U54.311.8	Chứng dương bất toại	-	F52.8	Rối loạn chức năng tình dục khác, không do rối loạn thực tổn hoặc bệnh lý	Chứng dương bất toại [Rối loạn chức năng tình dục khác, không do rối loạn thực tổn hoặc bệnh lý]	Mã bổ sung mới
9	-	U54.311.9	Chứng dương bất toại	-	F52.9	Rối loạn chức năng tình dục không xác định, không do rối loạn thực tổn hoặc bệnh lý	Chứng dương bất toại [Rối loạn chức năng tình dục không xác định, không do rối loạn thực tổn hoặc bệnh lý]	Mã bổ sung mới
10	1225	U55.161.4	Chứng nuy	G56.4	G90.6	Hội chứng đau phức hợp vùng tıp II	Chứng nuy [Hội chứng đau phức hợp vùng tıp II]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
11	1255	U55.321	Chứng tý	G55.1	G55.1*	Chèn ép rễ và/hoặc đám rối thần kinh do rối loạn đĩa đệm cột sống (M50-M51†)	Chứng tý [Chèn ép rễ và/hoặc đám rối thần kinh do rối loạn đĩa đệm cột sống (M50-M51†)]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
12	1256	U55.331	Chứng tý	G55.2	G55.2*	Chèn ép rễ và/hoặc đám rối thần kinh do thoái hóa đốt sống (M47.-†)	Chứng tý [Chèn ép rễ và/hoặc đám rối thần kinh do thoái hóa đốt sống (M47.-†)]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
13	1736	U58.762	Hạ trĩ	I84	K64	Bệnh trĩ và/hoặc huyết khối tĩnh mạch quanh hậu môn	Hạ trĩ [Bệnh trĩ và/hoặc huyết khối tĩnh mạch quanh hậu môn]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
14	1737	U58.762.0	Hạ trĩ	I84.0	K64.0	Bệnh trĩ độ I	Hạ trĩ [Bệnh trĩ độ I]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT

15	1738	U58.762.1	Hạ trĩ	I84.1	K64.1	Bệnh trĩ độ II	Hạ trĩ [Bệnh trĩ độ II]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
16	1739	U58.762.2	Hạ trĩ	I84.2	K64.2	Bệnh trĩ độ III	Hạ trĩ [Bệnh trĩ độ III]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
17	1740	U58.762.3	Hạ trĩ	I84.3	K64.3	Bệnh trĩ độ IV	Hạ trĩ [Bệnh trĩ độ IV]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
18	1741	U58.762.4	Hạ trĩ	I84.4	K64.4	Vạt da thừa còn sót lại của bệnh trĩ	Hạ trĩ [Vạt da thừa còn sót lại của bệnh trĩ]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
19	1742	U58.762.5	Hạ trĩ	I84.5	K64.5	Huyết khối tĩnh mạch quanh hậu môn	Hạ trĩ [Huyết khối tĩnh mạch quanh hậu môn]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
20	1745	U58.762.8	Hạ trĩ	I84.8	K64.8	Bệnh trĩ xác định khác	Hạ trĩ [Bệnh trĩ xác định khác]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
21	1746	U58.762.9	Hạ trĩ	I84.9	K64.9	Bệnh trĩ, không xác định	Hạ trĩ [Bệnh trĩ, không xác định]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
22	2248	U60.192.1	Tiền huyết	K51.1	K51.0	Viêm loét toàn ruột (mạn tính)	Tiền huyết [Viêm loét toàn ruột (mạn tính); Viêm hồi tràng trào ngược]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
23	2304	U60.391.0	Tiết tả	K58.0	K58.1	Hội chứng ruột kích thích thể tiêu chảy (IBS-D)	Tiết tả [Hội chứng ruột kích thích thể tiêu chảy (IBS-D)]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
24	2305	U60.391.9	Tiết tả	K58.9	K58.8	Hội chứng khác và/hoặc không xác định của ruột kích thích	Tiết tả [Hội chứng khác và/hoặc không xác định của ruột kích thích]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT

25	2423	U61.043.2	Tùng bì tiền	L41.2	C86.6	U lympho tế bào T thể da nguyên phát CD30 dương tính	Tùng bì tiền [U lympho tế bào T thể da nguyên phát CD30 dương tính]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
26	2787	U62.341.2	Mạch tủy	M31.2	L92.9	Bệnh u hạt ở da và/hoặc mô dưới da, không xác định	Mạch tủy [Bệnh u hạt ở da và/hoặc mô dưới da, không xác định]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
27	-	U63.021.5	Âm dưỡng	-	N76.5	Loét âm đạo	Âm dưỡng [Loét âm đạo]	Mã bổ sung mới
28	-	U63.021.6	Âm dưỡng	-	N76.6	Loét âm hộ	Âm dưỡng [Loét âm hộ]	Mã bổ sung mới
29	2875	U63.021.8	Âm dưỡng	N77.8	N76.8	Viêm âm đạo và/hoặc âm hộ xác định khác	Âm dưỡng [Viêm âm đạo và/hoặc âm hộ xác định khác]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
30	3053	U63.501.0	Thủy thũng	N18.0	N18.5	Bệnh thận mạn tính, giai đoạn 5	Thủy thũng [Bệnh thận mạn tính, giai đoạn 5]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT

Ghi chú: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lựa chọn mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT để thay thế cho mã ICD-10 theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT đối với các mã bệnh y học cổ truyền nói trên./.